|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| (Cơ quan chủ quản)**(Cơ quan trực tiếp thụ lý hồ sơ)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** | Mẫu TP/QT-2020-SĐKXĐCQTVN |

**SỔ****ĐĂNG KÝ XÁC ĐỊNH CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM***Quyển số:……………TP/QT-20….-SĐKXĐCQTVN**Mở ngày……… tháng …….năm……….**Khóa ngày……..tháng……..năm……....* |

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG**

1. Sổ phải được ghi liên tục theo thứ tự, bắt đầu từ số 01 cho đến hết năm. Trường hợp sử dụng sổ cho nhiều năm thì khi sử dụng cho năm tiếp theo phải lấy số thứ tự bắt đầu từ số 01 (Ví dụ: Sổ đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam có 200 trang được sử dụng từ tháng 01/2018, đến 31/12/2018 ghi được 85 trường hợp; sổ được sử dụng tiếp cho năm 2019, trường hợp đầu tiên của năm 2019 là số 01); trường hợp chưa hết năm mà hết sổ thì sử dụng sang quyển sổ khác và ghi tiếp theo số thứ tự cuối cùng của sổ trước (Ví dụ: Sổ đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam có 200 trang được sử dụng từ tháng 01/2018, đến tháng 8/2018 hết sổ (đã ghi được được 200 trường hợp) thì sử dụng sang sổ khác, trường hợp đầu tiên ghi vào sổ thứ 2 sẽ lấy số tiếp theo là 201).

 2. Công chức làm công tác quốc tịch phải tự mình ghi vào Sổ. Nội dung ghi phải chính xác; chữ viết phải rõ ràng, đủ nét, không viết tắt, không tẩy xóa. Trường hợp ứng dụng công nghệ thông tin để in Sổ quốc tịch trên máy thì phải in bằng loại mực tốt, màu đen, không bị nhòe, mất nét hoặc phai màu.

 3. Số ghi trong Trích lục đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam là số tương ứng với số thứ tự đã ghi trong sổ.

 4. Khi ghi các mục trong sổ cần lưu ý:

- Họ, chữ đệm, tên của người đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam ghi bằng chữ in hoa có dấu (theo Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế).

- Mục nơi sinh: ghi địa danh 03 cấp hành chính hoặc tên cơ sở y tế (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Trạm y tế xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

- Mục Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: ghi rõ tên, số, nơi cấp, ngày cấp của giấy tờ. Ví dụ: Hộ chiếu số C1234567 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cấp ngày 01/01/2019.

- Mục quốc tịch: Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm quốc tế hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

- Mục đích: ghi rõ mục đích xin đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam (Ví dụ: để cấp Hộ chiếu hoặc Trích lục đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam).

- Mục ghi chú: Ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ của người ký Trích lục đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam.

5. Sổ phải được đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối cùng ngay từ khi mở sổ. Sổ được ghi liên tiếp theo thứ tự từng trang, không được bỏ trống.

6. Sổ được lập thành 01 quyển, lưu tại Cơ quan đại diện, nơi sử dụng Sổ.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngày, tháng, năm đăng ký** | **Thông tin về người đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam** | **Ghi chú** |
| Họ, chữ đệm, tên | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Nơi sinh | Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế | Quốc tịch | Mục đích | Nơi cư trú(vào thời điểm đăng ký xác định có quốc tịch Việt Nam) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |